

Mẫu số C2 - 10/NS  
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày  
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

102

UB

chủ, tự  
nước;

	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	718.224.000	772.133.824	108
	Kinh phí nguồn CCTL			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	102.764.000	290.053.400	282
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	102.764.000	290.053.400	282
	Kinh phí nguồn CCTL			
5	Chi bảo đảm xã hội	449.297.000	766.903.000	171
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	449.297.000	438.174.000	98
	Kinh phí nguồn CCTL		328.729.000	
6	Chi hoạt động kinh tế	154.146.000	93.450.304	61
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	154.146.000	93.450.304	61
	Kinh phí nguồn CCTL			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	38.536.000	33.220.000	86
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38.536.000	33.220.000	86
	Kinh phí nguồn CCTL			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	102.764.000	92.487.420	90
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	102.764.000	92.487.420	90
	Kinh phí nguồn CCTL			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	51.382.000	31.402.820	61
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	51.382.000	31.402.820	61
	Kinh phí nguồn CCTL			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	77.073.000	133.737.550	174
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	77.073.000	133.737.550	174
	Kinh phí nguồn CCTL			
11	Chi sự nghiệp giáo dục	51.382.000	45.469.300	88
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	51.382.000	45.469.300	88
	Kinh phí nguồn CCTL			
	<b>II Nguồn vốn viện trợ</b>			
	<b>III Nguồn vay nợ nước ngoài</b>			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đương Thế Vinh

Mẫu số C2 - 10/NS  
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày  
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: UBND PHƯỜNG HÀ CẦU  
Chương: 799

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

*ĐV tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>988.000.000</b>	<b>1.281.877.008</b>	<b>130</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>988.000.000</b>	<b>1.281.877.008</b>	<b>130</b>	
1	Dự toán giao đơn vị thu nộp	988.000.000	1.281.877.008	130	
	Phí, lệ phí	200.000.000	183.726.000	92	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	698.000.000	971.151.008	139	
	Thu quỹ đất công ích- hoa lợi cộng sản	-			
	Thu khác ngân sách	90.000.000	127.000.000	141	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>-</b>			
1	<i>Chi sự nghiệp.....</i>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>9.829.663.000</b>	<b>9.487.703.149</b>	<b>97</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách nhà nước</b>				
1	Chi quản lý hành chính	7.569.800.000	6.246.252.331	83	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.690.052.000	3.061.435.850	83	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.879.748.000	3.184.816.481	82	
	Kinh phí nguồn CCTL	-			
2	An ninh	565.677.000	982.593.200	174	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	565.677.000	982.593.200	174	
	Kinh phí nguồn CCTL				
3	Quốc phòng	718.224.000	772.133.824	108	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		

tiêu là 822.426.700 đồng. Tổng dự toán chi được sử dụng là 10.579.263.805 đồng.

Tổng chi ngân sách phường thực hiện năm 2022 là 9.487.703.149 đồng, đạt 101,9% dự toán giao.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

UBND phường đã bám sát chỉ tiêu dự toán UBND quận giao về việc thu, chi ngân sách năm 2022 để điều hành thực hiện. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách, UBND phường thường xuyên đôn đốc kiểm tra tiến độ, giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, quản lý chặt chẽ đối tượng chịu thuế, phí và lệ phí, chỉ đạo khai thác tận thu, nỗ lực phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cũng như ngân sách phường.

Quá trình chỉ đạo điều hành chi ngân sách, UBND phường luôn bám sát dự toán được giao, chi theo chế độ định mức để quản lý điều hành ngân sách đảm bảo đúng luật, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo chế độ quy định và theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Đồng thời kiểm soát chặt chẽ chống thất thoát và thực hiện nghiêm túc chế độ công khai minh bạch, chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng trong quản lý điều hành ngân sách.

#### \*Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị UBND quận, các cơ quan chuyên môn thường xuyên quan tâm, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý ngân sách để kịp thời nắm bắt những chế độ chính sách mới; nâng cấp và bổ sung phần mềm kế toán để cán bộ cấp phường quản lý ngân sách ngày càng tốt hơn.

Kế toán

Nguyễn Thị Thủy

Hà Cầu, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH



Dương Thế Vinh